

Bản án số: 71/2024/DS-ST

Ngày: 31-7-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Ông Nguyễn Hữu Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Anh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐ.ST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1995 (*có mặt*)

Nơi cư trú: TDP L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Trần Cao Việt N1 – sinh năm 1989 (*có mặt*)

Nơi thường trú: TDP 18, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: A D, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Doãn H, sinh năm 1989 (*có đơn xét xử vắng mặt*)

Nơi cư trú: TDP L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà Lâm Thị O (*vắng mặt*)

Nơi cư trú: 111 N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do mối quan hệ bạn bè nên bà có cho ông Trần Cao Việt N1 mượn số tiền số tiền 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng). Các bên có lập Giấy mượn

tiền bằng giấy tay vào ngày 12/10/2023 và nhờ ông Nguyễn Doãn H viết. Ông N1 đã xem, thông nhất và ký tên vào Giấy mượn tiền dưới sự chứng kiến của ông H và bà Lâm Thị O. Nguồn gốc số tiền trên do trước đây bà có cho ông N1 mượn nhiều lần, đến ngày 12/10/2023 các bên chốt lại số tiền và lập giấy mượn tiền. Thời hạn cho mượn từ ngày 12/10/2023 đến ngày 12/02/2024 nhưng quá thời hạn trên, ông N1 vẫn không trả tiền mặc dù bà đã nhiều lần nhắc nhở. Nay, bà yêu cầu ông Trần Cao Việt N1 trả cho bà một lần số tiền 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi. Tại thời điểm bà N cho ông N1 mượn tiền thì bà N không có quan hệ hôn nhân với ai.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Cao Việt N1 trình bày:

Ông thừa nhận có mượn bà Nguyễn Thị N số tiền 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) và các bên có lập giấy mượn tiền viết tay đề ngày 10/12/2023 như bà N trình bày. Giấy mượn tiền nhờ ông Nguyễn Doãn H viết. Sau đó, ông đã xem, thông nhất và ký xác nhận dưới sự chứng kiến của ông H và bà Lâm Thị O. Ông xác nhận chữ ký và chữ viết họ và tên trong giấy mượn tiền là của ông. Nguồn gốc số tiền, do trước đây ông có mượn của bà N nhiều lần, đến ngày 12/10/2023 các bên chốt lại số tiền và lập giấy mượn tiền. Nay, bà N yêu cầu ông trả số tiền 95.000.000đ thì ông đồng ý trả nhưng do ông gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị trả dần theo phương thức một tháng trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết khoản nợ. Về việc bà N không yêu cầu tính lãi thì ông đồng ý. Tại thời điểm ông N1 mượn tiền của bà N thì ông không có mối quan hệ hôn nhân với ai.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Nguyễn Doãn H trình bày:

Ông là người viết giấy vay tiền đề ngày 12/10/2023 do bà N nhờ viết. Ông có chứng kiến việc ông N1 xem và ký xác nhận vào Giấy mượn tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Lâm Thị O đã được Tòa án triệu tập hợp nhưng không tham gia nên không có lời khai của bà O theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà N yêu cầu ông N1 trả nhiều lần theo phương thức một tháng trả số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn) cho đến khi hết khoản nợ thay vì yêu cầu trả một lần như yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông N1 giữ nguyên ý kiến, không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn nên các bên không thỏa thuận được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng ông Nguyễn Doãn H, bà Lâm Thị O đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia phiên tòa. Trong đó, ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của ông H,

bà O không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự nên tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.3] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Cao Việt N1 hiện đang cư trú tại TDP A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình làm ăn, bà Nguyễn Thị N có cho ông Trần Cao Việt N1 mượn số tiền 95.000.000đ. Các bên có lập Giấy mượn tiền bằng giấy tay vào ngày 12/10/2023 và nhờ ông Nguyễn Doãn H viết. Ông N1 đã thống nhất và ký tên vào Giấy mượn tiền dưới sự chứng kiến của ông H và bà O. Nguồn gốc số tiền trên do trước đây bà N có cho ông N1 mượn nhiều lần, đến ngày 12/10/2023 các bên chốt lại số tiền và lập giấy mượn tiền. Thời hạn cho mượn từ ngày 12/10/2023 đến ngày 12/02/2024 nhưng quá thời hạn trên, ông N1 vẫn không trả tiền mặc dù bà đã nhiều lần nhắc nhở nên bà yêu cầu ông N1 trả cho bà N số tiền 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) theo phương thức trả một tháng với tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn), thời gian bắt đầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Ông N1 thừa nhận có mượn bà N số tiền 95.000.000đ. Nay, bà N yêu cầu ông trả khoản nợ trên thì ông đồng ý trả nhưng do ông gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị trả dần theo phương thức một tháng trả số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết khoản nợ. Về việc bà N không yêu cầu tính lãi thì ông đồng ý.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N và ý kiến của ông Trần Cao Việt N1:

[3.1] Ngày 12/10/2023, bà Nguyễn Thị N cho ông Trần Cao Việt N1 mượn số tiền 95.000.000đ và lập giấy mượn tiền; nội dung, hình thức giấy mượn tiền giữa các bên xác lập cơ bản phù hợp với quy định tại Điều 398 của Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử xác định giấy mượn tiền này bản chất là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3.2] Bà N yêu cầu ông N1 trả số tiền 95.000.000đ, ông N1 thừa nhận và đồng ý trả khoản nợ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết. Ông N1 không trả tiền cho bà N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, bà N yêu cầu ông N1 phải trả số tiền đã mượn là 95.000.000đ, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3.3] Tại phiên tòa, bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông N1 trả nhiều lần theo phương thức một tháng trả số tiền là 5.000.000đ

(Năm triệu đồng chẵn) cho đến khi trả hết khoản nợ. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của bà N không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của bà N.

[3.4] Ông N1 đề nghị được trả mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết khoản nợ nhưng không được bà N đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông N1.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đồng thời, ông N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $95.000.000đ \times 5\% = 4.750.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N:

Buộc ông Trần Cao Việt N1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là **95.000.000đ** (Chín mươi lăm triệu đồng), trả theo phương thức một tháng trả số tiền là **5.000.000đ** (Năm triệu đồng chẵn), thời gian bắt đầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Cao Việt N1 phải nộp 4.750.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 2.375.000đ (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005807 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

* Quy định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Đạt